

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HNGĐ – ST

Ngày: 24/01/2025

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHAÂN DANH
NÖÖÙC CÖÖNG HÖÖA XÃ HÖÖI CHÖÖ NGHĨA VIỆT NAM
TÖÖA ÅUN NHAÂN DÅN HUYỆN LÖÖC NINH, TỈNH BÌNH
PHÖÖC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quốc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Phụng

2. Ông Nguyễn Thành Vui

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Mai Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 01/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2025 về việc *“tranh chấp ly hôn, nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Thị K, sinh năm 1978

Nơi cư trú: Ấp Thạnh Phú, xã Lộc Thạnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước
(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Điều H, sinh năm 1988

Nơi cư trú: ấp Thạnh Phú, xã Lộc Thạnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Nơi ở hiện nay: Ấp 8C, xã Lộc Hoà, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

(vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai bà Thị K trình bày:

Bà Thị K và ông Điều H có tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2006 nhưng đến năm 2018 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Thạnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm. Nay nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà Thị K xin được ly hôn với ông Điều H.

Về con chung: Có hai người con chung tên Điều Mạnh, sinh ngày 01/01/2007 và Thị Tuyền, sinh ngày 15/12/2013. Khi ly hôn con tên Điều Mạnh đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn con tên Thị Tuyền thì bà Thị K xin nuôi, không yêu cầu ông Điều H cấp dưỡng nuôi con chung. Vợ chồng không có con nuôi và hiện tại bà Thị K không có thai.

Về tài sản: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không nợ ai, bên ngoài không ai nợ lại nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Điều H vắng mặt, tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ông Điều Hoa trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất như bà Thị K trình bày về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian phát sinh mâu thuẫn. Bà Thị K và ông Điều H có tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2006 nhưng đến năm 2018 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Thạnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Nay bà Thị K xin ly hôn ông Điều H cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Thống nhất vợ chồng có hai người con chung tên Điều Mạnh, sinh ngày 01/01/2007 và Thị Tuyền, sinh ngày 15/12/2013. Khi ly hôn người con tên Điều Mạnh đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn người con tên Thị Tuyền thì bà Thị K xin nuôi nên ông Điều H đồng ý. Ngoài ra vợ chồng không có con nuôi và hiện tại bà Thị K không có thai.

Về tài sản: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không nợ ai, bên ngoài không ai nợ lại nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh phát biểu ý kiến:*

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc

xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thị K.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Thị K được ly hôn với ông Điều H

+ Về con chung: Giao con chung tên Thị Tuyền, sinh ngày 15/12/2013 cho bà Thị K trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Bà Thị K và ông Điều H khẳng định không có nợ chung và không ai yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Thị K có đơn khởi kiện ly hôn với ông Điều H tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh để giải quyết theo thẩm quyền. Xét thấy ông Điều H có nơi cư trú tại huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Bị đơn có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết của Tòa án. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Thị K và ông Điều H tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Thạnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Như vậy, hôn nhân giữa bà Thị K và ông Điều H là hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện thì bà Thị K cho rằng vợ chồng sống không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, sống không hạnh phúc và ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Thị K xin được ly hôn với ông Điều H.

Trong quá trình giải quyết, ông Điều H có trình bày và thống nhất về quan

hệ hôn nhân, thời gian chung sống cũng như thời gian đăng ký kết hôn, về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Nay bà Thị K xin ly hôn ông Điều H cũng đồng ý ly hôn.

Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà Thị K và ông Điều H đã trầm trọng, cuộc sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định cho bà Thị K được ly hôn với ông Điều H.

+ *Về con chung*: Vợ chồng có hai người con chung tên Điều Mạnh, sinh ngày 01/01/2007 và Thị Tuyền, sinh ngày 15/12/2013. Khi ly hôn con tên Điều Mạnh đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn con tên Thị Tuyền thì bà Thị K xin nuôi và ông Điều H đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Thị Tuyền có nguyện vọng được ở với bà Thị K nên xét thấy cần giao cháu Thị Tuyền, sinh ngày 15/12/2013 cho bà Thị K tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và nguyện vọng của con theo quy định tại điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Thị K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Thị K phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 107, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thị K.

1. Về hôn nhân: Cho bà Thị K được ly hôn với ông Điều H.
2. Về nuôi con chung: Giao người con chung tên Thị Tuyền, sinh ngày 15/12/2013 cho bà Thị K tiếp tục nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên theo luật định.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về tài sản chung: Không có nên không xem xét giải quyết

5. Về nợ chung: Không có

6. Về án phí: Buộc bà Thị K chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh (biên lai thu tiền số 0006809 ngày 02/01/2025).

7. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước ;
- VKSND huyện Lộc Ninh;
- CC.THADS huyện Lộc Ninh;
- UBND xã Lộc Thạnh;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quốc Tú